TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 09-5-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý
Ông Cao Hoài Hiêm

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Thướng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị A, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E- Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn F, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh E- Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày: Chị và anh F đều đã một lần ly hôn. Sau thời gian tìm hiểu chị và anh F tự nguyện chung sống với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 14-4-2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với cha mẹ anh F tại Ấp P, xã L, huyện T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do anh F có quan hệ với người phụ nữ khác nên chị bỏ về nhà mẹ ruột ở ấp B, xã C, huyện D sống, anh F đi theo năn nỉ và ở trên đó với chị được 03 tháng thì anh chị chồng và mẹ chồng kêu vợ chồng chị về T ở. Chị đồng ý quay về nhưng chỉ

sống được nửa tháng thì chồng đi nhậu nhẹt ở qua đêm bên ngoài về nhà thì kiếm chuyện đánh chị nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 12-2018 và vợ chồng ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh F.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 22-3-2014. Hiện cháu Q đang sống cùng anh F, sau khi ly hôn chị đồng ý giao con cho chồng nuôi, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 750.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn F đã được Tòa án: Tống đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ anh F để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh F đều cố tình vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt không có lý do chính đáng mặt dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh F.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 22-3-2014 cho anh F tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị A đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Q số tiền 750.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh F đến lần thứ hai nhưng anh F vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh F là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh F tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do trong thời gian sống chung chị A cho rằng anh F có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện với chị nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chị A, anh F sinh sống và lời trình bày của bà Trần Thị H mẹ anh F thể hiện: Vợ chồng chị A, anh F xảy ra mâu thuẫn

là có thật nguyên nhân do anh F uống rượu về vợ chồng cãi vả nhau, hiện nay anh F đang sống cùng bà H tại ấp P, xã L từ tháng 01-2019 đến nay, chị A thì về sống cùng cha mẹ ruột. Bà H đã nhiều lần khuyên can vợ chồng chị A, anh F để vợ chồng về đoàn tụ chung sống nhưng không thuyết phục được. Xét mâu thuẫn giữa chị A và anh F đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh F, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 22-3-2014. Xét thấy cháu Q hiện đang sống cùng anh F, chị A đồng ý giao con cho anh F nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao anh F tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Q là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị A đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 750.000 đồng/ tháng

[4] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị A đối với anh Nguyễn Văn F. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị A và anh Nguyễn Văn F.

2. Về con chung:

- Giao con chung: Cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 22-3-2014 cho anh F có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

- Chị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q số tiền 750.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị A đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016885 ngày 01-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị A còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Chị A được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh F được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Lưu;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Như Thủy